TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 33

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất trong các số 322 014, 122 034, 323 014, 121 034 là:

A. 322 014 **B.** 122 034 **C.** 323 014 **D.** 121 034

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số «Năm trăm nghìn một trăm sáu mươi» viết là:

A. 500 160 **B.** 5 000 160 **C.** 500 060 **D.** 510 160

Câu 3. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 4 trong số 514 176 là:

A. 40 000 **B.** 4000 **C.** 400 **D.** 4

Câu 4. *(0,5 điểm)* Với m = 2923, n = 1361, p = 1227 thì giá trị biểu thức m − n + p là:

A. 335 **B.** 3057 **C.** 1789 **D.** 2789

Câu 5. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 1680 + 767 = 767 + ……

A. 2447 **B.** 913 **C.** 767 **D.** 1680

Câu 6. *(0,5 điểm)* Ngọc mua 6 quyển truyện, mỗi quyển giá 12 000 đồng và 5 cái bút, mỗi cái giá 7000 đồng. Ngọc đưa cô bán hàng 500 000 đồng. Cô bán hàng trả lại Ngọc:

A. 400 000 đồng **B.** 393 000 đồng **C.** 428 000 đồng **D.** 107 000 đồng

Câu 7. *(0,5 điểm)* Năm 1398 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XV **B.** thế kỉ XIII **C.** thế kỉ XIV **D.** thế kỉ XII

Câu 8. *(0,5 điểm)* Lúc 5 giờ đúng, kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành:

A. góc nhọn **B.** góc tù **C.** góc vuông **D.** góc bẹt

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số: 242 955, 235 925, 223 955, 232 559, 232 955.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2312 + 495 + 505 = ……

b) 8290 + 6541 − 290 = ……

c) 203 + 6329 + 97 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 tấn 87 kg = ……. kg

b) 3 tạ = ……. yến

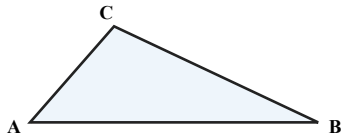
c) 8 m² 10 dm² = ……. dm²

d) 3 phút 17 giây = ……. giây

Câu 12. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 1 tấn = 100 kg	
b) Số 5 415 070 là số chẵn	
c) Góc tù lớn hơn góc vuông	
d) Số 8 777 697 là số chẵn	

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 1770 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 506 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 33

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	B	D	D	B	C	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 242 955, 235 925, 232 955, 232 559, 223 955

b) 242 955 − 223 955 = 19 000

Câu 10.

a) 2312 + (495 + 505) = 2312 + 1 000 = 3312

b) (8290 − 290) + 6541 = 8000 + 6541 = 14 541

c) (203 + 97) + 6329 = 300 + 6329 = 6629

Câu 11.

a) 2000 + 87 = 2087

b) 1 tạ = 10 yến: 30

c) 800 + 10 = 810

d) 3 × 60 + 17 = 197

Câu 12.

a) S; b) Đ; c) Đ; d) S

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù.

Câu 14.

Ngày thứ hai: 1770 × 2 = 3540 (kg)

Ngày thứ ba: 3540 − 506 = 3034 (kg)

Cả ba ngày: 1770 + 3540 + 3034 = 8344 (kg)